CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/PCN/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH MTV PURE CENTELLA NATURE

Địa chỉ: Số 126, ngõ 16 Phan Kế Bính, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982916768 E-mail: Uyenphi2022@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0109504975

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG CHIẾT XUẤT HẠT SACHI

2. Thành phần: Bột sachi (99,99%), Vitamin B1, Vitamin B6

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Ngày sản xuất, Hạn sử dụng được in trên nhãn sản phẩm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói theo 02 loại quy cách

+ Sản phẩm được đóng gói trong gói hàn mép kín, khối lượng 20g/ gói; sau đó các gói được đóng vào hộp giấy, 20 gói/ hộp;

+ Sản phẩm được đóng gói trong gói hàn mép kín, khối lượng 500g/ gói hoặc 1kg/ gói; sau đó mỗi gói được đóng vào hộp thiếc.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong túi nilon/ màng thiếc rồi đóng vào hộp giấy, hộp thiếc, bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Tên cơ sở sản xuất: Hợp tác xã Nam dược Tản Viên Sơn

Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Bát Đầm, Xã Suối Hai, Thành phố Hà Nội

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 01/2025/ATTP-CNGMP Ngày cấp: 03/01/2025

Nơi cấp: Cục An toàn thực phẩm – Bộ Y Tế

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- Các quy định liên quan khác theo pháp luật hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 0109504975 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MTV PURE CENTELLA NATURE
Q. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Thái

MA HO SO: 000.02.19.H26-260318-0054

M.S.D.N: 0109504975 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MTV PURE CENTELLA NATURE



MA HO SO: 000.02.19.H26-260318-0054

M.S.D.N: 0109504975 C.T.T.N.H.
CÔNG TY TNHH MTV

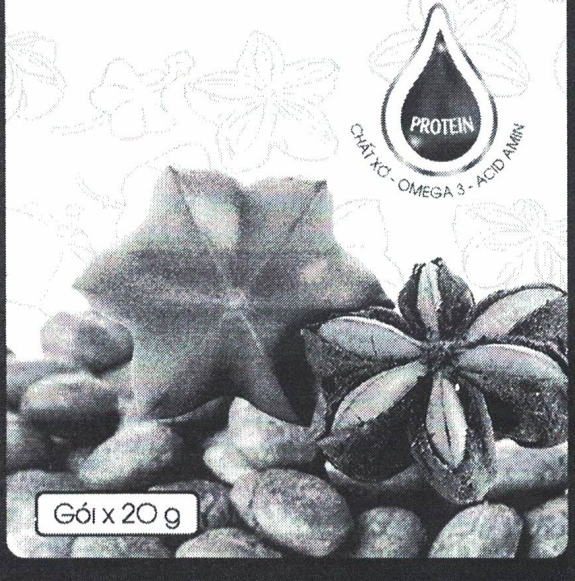
Thực phẩm bổ sung

NATURE

CHIẾT XUẤT HẠT

Sachi

- Giàu protein
- Bổ sung chất xơ và chứa Omega



Gói x 20 g

CHIẾT XUẤT HẠT

Sachi

THÀNH PHẦN: Bột sachi (99,99%), Vitamin B1, Vitamin B6.
Trong 100g sản phẩm chứa:

- Protein tổng số:	62.9g ± 20%
- Omega 3:	1.46g ± 20%
- Hàm lượng chất xơ tổng:	3.02g ± 20%
- Acid Aspartic:	7.32g ± 20%
- Acid glutamic:	10.5g ± 20%
- Alanine:	2g ± 20%
- Arginine:	7.06g ± 20%
- Cystine:	0.89g ± 20%
- Glycine:	5.55g ± 20%
- Histidine:	1.12g ± 20%
- Isoleucine:	2.16g ± 20%
Leucin:	3.67g ± 20%
- Lysine:	2.55g ± 20%
- Methionine:	0.37g ± 20%
- Phenylalanine:	1.67g ± 20%
- Proline:	2.19g ± 20%
- Serine:	3.82g ± 20%
- Threonine:	2.51g ± 20%
- Trytophan:	1.54g ± 20%
- Tyrosine:	2.46g ± 20%
- Valline:	2.71g ± 20%
- Vitamin B1:	1.33 mg ± 20%
- Vitamin B6:	59.7 µg ± 20%

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH TRONG 100G	
Năng lượng	336 kcal ± 20%
Hàm lượng chất béo	5.67g ± 20%
Hàm lượng chất Đạm	65.1g ± 20%
Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	6.16g ± 20%
Hàm lượng Natri	5.29mg ± 20%

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:
- Dùng cho người trưởng thành và trẻ em trên 36 tháng tuổi.
- Pha 1 gói/ 20g vào nước khoảng 70-80°C, khuấy đều và sử dụng.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

THÔNG TIN CẢNH BÁO:
Không sử dụng sản phẩm quá hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

Hạn sử dụng:
36 tháng kể từ ngày sản xuất.
Tiêu chuẩn: TCCS

Số TCB:
LSX:
NSX:
HSD:

Thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:
CÔNG TY TNHH MTV PURE CENTELLA NATURE
Địa chỉ: Số 126, ngõ 16 Phan Kế Bính, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam
Sản xuất tại:
HỢP TÁC XÃ NAM DƯỢC TẢN VIÊN SƠN
Địa chỉ: Thôn Bát Đàm, Xã Suối Hai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Xuất xứ: Việt Nam

8 938540 473041

MA HO SO: 000.02.19.H26-260318-0054

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

BẢN SAO COPY

Mã số/ Code: DV151411040/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH MTV PURE CENTELLA NATURE**
2. Địa chỉ/ *Address* : Số 126, Ngõ 16 Phan Kế Bính, Phường Ngọc Hà, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
3. Tên mẫu thử/ *Name of Sample* : **Thực phẩm bổ sung Chiết Xuất Hạt Sachi**
4. Mô tả mẫu/ *Sample Description* : Mẫu đựng trong túi, khối lượng: 30g/túi, số lượng: 8 túi
5. Ngày nhận mẫu/ *Date sample received* : 19/01/2026
6. Thời gian lưu mẫu/ *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. Ngày thử nghiệm/ *Date of test* : 19/01/2026-03/02/2026
8. Ngày trả kết quả/ *Date of issue* : 03/02/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Cảm quan (Màu sắc, trạng thái, mùi vị)	-	Sản phẩm dạng bột, màu vàng nhạt, mùi đặc trưng của sản phẩm	VNT.H.03.V.42
2	Arsen (As)	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
3	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
4	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
5	Ochratoxin A (OTA) *	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)
6	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010
7	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
8	*Bacillus cereus* *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

MÃ HỒ SƠ: 000.02.19.H26-260318-0054

Mã số/ Code: DV151411040/02

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
9	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	AOAC 975.55

Ghi chú/ *Note:*

- KPH: Không phát hiện

- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

THS. TRỊNH CÔNG SƠN

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY: 05 -03- 2026
Số chứng thực 7802 quyển số 01 - SCT/BS

VIỆN KIỂM NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

S.Đ.K.H.Đ:89-C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đức Tuấn

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

BẢN SAO COPY

Số: 2369/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Thực phẩm bổ sung Chiết xuất hạt Sachi
2. Mã số mẫu: 112519687/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi ghép mí, 30 g/gói x 05 gói/túi. Thông tin về mẫu viết tay và đánh máy dán trên túi. Số lượng: 1.
   NSX: Không có - HSD: Không có.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 26/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 26/11/2025 - 12/01/2026
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH MTV PURE CENTELLA NATURE
   Địa chỉ: Số 126, ngõ 16 Phan Kế Bính, Phường Ngọc Hà, Hà Nội Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
9.1*	*Clostridium perfringens*	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (LOD: 1)
9.2*	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (LOD: 1)
9.3*	*Escherichia coli*	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1)
9.4*	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH (LOD: 1)
9.5*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	KPH (LOD: 1)
9.6*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	g/100g	AOAC 2020.07	6,16
9.7*	Hàm lượng Chất đạm	g/100g	NIFC.02.M.03	65,1
9.8	Năng lượng (tính từ chất đạm, béo, carbohydrat không bao gồm xơ)	kcal/100g	NIFC.02.M.06	336
9.9*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	< LOQ (LOQ: 0,010)
9.10*	Hàm lượng Chì	mg/kg	NIFC.03.M.45 (Ref AOAC 2015.01)	KPH (LOD: 0,004)

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced except in full without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngõ Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkntat.nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.11*	Hàm lượng Natri	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	5,29
9.12*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	KPH (LOD: 0,004)
9.13*	Hàm lượng Chất béo	g/100g	NIFC.02.M.04	5,67

Ghi chú: *LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử*
KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY: 13 -01- 2026
Số chứng thực 1287 - - - 01 - - - SCT/BS

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2026
TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN

TS. Nguyễn Thành Trung

S.Đ.K.H.Đ: 89 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Huyền

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the tested sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ Partial reproduction of this report is not permitted without written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của cơ sở gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

MÃ HỒ SƠ: 000.02.19.H26-260318-0054

BẢN SAO
COPY

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 18250/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Chiết xuất hạt Sachi
2. Mã số mẫu: 04254740/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi zip, 250 g/túi. Số lượng: 1.
   NSX: Không có - HSD: Không có.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 16/04/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 16/04/2025 - 28/04/2025
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH MTV PURE CENTELLA NATURE
   Địa chỉ: Số 126, Ngõ 16, Phan Kế Bính, phường Cống Vị, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
9.1*	Hàm lượng Protein tổng số	g/100g	NIFC.02.M.03	62,9
9.2*	Hàm lượng Omega 3, dạng toàn phần (C18:3n3, C20:3n3, C20:5n3, C22:6n3)	g/100g	NIFC.04.M.107 (Ref. AOAC 996.06, AOAC 2012.13)	1,46
9.3*	Hàm lượng Chất xơ tổng	g/100g	TCVN 9050:2012	3,02
9.4*	Hàm lượng Acid Aspartic (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	7,32
9.5*	Hàm lượng Acid glutamic (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	10,5
9.6*	Hàm lượng Alanine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,00
9.7*	Hàm lượng Arginine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	7,06
9.8*	Hàm lượng Cystine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	0,89
9.9*	Hàm lượng Glycine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	5,55
9.10*	Hàm lượng Histidine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	1,12
9.11*	Hàm lượng Isoleucine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,16
9.12*	Hàm lượng Leucine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	3,67

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample and customer is written as customer's request
4.(*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn WebSite: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.13*	Hàm lượng Lysine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,55
9.14*	Hàm lượng Methionine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	0,37
9.15*	Hàm lượng Phenylalanine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	1,67
9.16*	Hàm lượng Proline (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,19
9.17*	Hàm lượng Serine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	3,82
9.18*	Hàm lượng Threonine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,51
9.19*	Hàm lượng Tryptophan (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.188 (HPLC)	1,54
9.20*	Hàm lượng Tyrosine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,46
9.21*	Hàm lượng Valine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,71
9.22*	Hàm lượng Fructose	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	KPH (LOD: 0,015)
9.23	Hàm lượng Galactose	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	KPH (LOD: 0,015)
9.24*	Hàm lượng Glucose	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	KPH (LOD: 0,015)
9.25*	Hàm lượng Vitamin B1 (Thiamin.HCl)	mg/100g	NIFC.02.M.16 (HPLC)	1,33
9.26	Hàm lượng Vitamin B6 (Pyridoxin.HCl)	µg/100g	NIFC.02.M.75 (HPLC)	59,7

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY: 13 -01- 2026
Số chứng thực 1288 quyển số 01 SCT/BS

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

PGS. TS. Trần Cao Sơn

S.Đ.K.H.Đ: 01-C.T.H.Đ
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thị Huyền

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VSTPQG/ This report shall not be [illegible]
3.Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4.(*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

MÃ HỒ SƠ: 000.02.19.H26-260318-0054